TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2- SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03/9/2025
V/v: Ly hôn, nuôi con chung, nợ chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lường Tiến Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lường Văn Duôi.

2. Bà Lý Thị Vinh.

- Thư ký phiên toà: Bà Lò Thị Hiền - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2- Sơn La .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Bạc Cầm Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 03/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 156/2025/TLST- HNGĐ ngày 19/3/2025 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17/7/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19/8/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lò Thị S**; Sinh ngày: 30/01/1996; Số căn cước công dân: 014196008226; Nơi cư trú: Bản C, xã C(Trước là bản C, xã T, huyện Thuận Châu), tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh **Lường Văn V**; Sinh ngày: 08/02/1995; Số căn cước công dân: 014095007644; Nơi cư trú: Bản C, xã C(Trước là bản C, xã T, huyện Thuận Châu), tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Quàng Văn L**; Nơi cư trú: Nơi cư trú: Bản C, xã C(Trước là bản C, xã T, huyện Thuận Châu), tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

- Chị **Lường Thị T**; Nơi cư trú: Bản B, xã T (Trước là bản B, xã T1, huyện Thuận Châu), tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

- Chị **Lường Thị V**; Nơi cư trú: Bản H, xã C(Trước là bản H, xã T, huyện Thuận Châu), tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2025, bản tự khai, nguyên đơn chị Lò Thị S trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Lường Văn V kết hôn với nhau từ ngày 21/02/2018 tại UBND xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (nay là xã C, tỉnh Sơn La) kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối. Sau khi kết hôn chị và anh V chung sống hoà thuận hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn là do khác biệt quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không tìm được tiếng nói chung, do anh V đã bị Tòa án xét xử hai lần về tội ma

túy, chị đã khuyên giải nhiều lần nhưng không nghe, đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành, đã ly thân từ tháng 2 năm 2025 cho đến nay. Chị S nhận thấy cuộc hôn nhân này không còn hạnh phúc nên đã viết đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu giải quyết cho anh được ly hôn anh V.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:* Trong thời gian chung sống anh, chị có 02 con chung: Cháu Lò Thị Ngọc B, sinh ngày 01/9/2015 và cháu Lường Bảo T, sinh ngày 03/01/2022. Chị S đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu. Không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung:* Có 01 ngôi nhà xây hai tầng khoảng 60m^2 được dựng trên diện tích đất 100m^2 mượn của bố mẹ chị là ông Lường Văn H và bà Lường Thị N trị giá khoảng 400.000.000 đồng. Chị S đề nghị được sở hữu nhà để nuôi con và hoàn chênh lệch cho anh V 1/3 giá trị tài sản. có một mảnh nương khoảng 2000m^2 trị giá 10.000.000 đồng, chị đề nghị để cho hai cháu.

- *Về tài sản riêng:* Không có.

- *Về nợ chung:* Vợ chồng có nợ ông Quàng Văn L số tiền 30.000.000 đồng; nợ chị Lường Thị T25.000.000 đồng; Nợ chị Lường Thị V 7.000.000 đồng. Chị đề nghị mỗi người trả ½ khoản nợ.

Ngày 09/6/2025 chị Lò Thị S rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Về nợ chung có khai nợ chị Lường Thị P 6.000.000 đồng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết chị và anh V sẽ tự thỏa thuận với chị Phương.

*** Tại bản tự khai bị đơn anh Lường Văn V trình bày:**

Về hôn nhân: Quá trình kết hôn giữa anh và chị như lời khai của chị S là đúng. Quá trình chung sống với nhau một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, chị S tự ý bỏ sang nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại bản C, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La từ tháng 2 năm 2025 kể từ đó sống ly thân hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng chị S không về. Hiện tại anh V vẫn còn tình cảm và muốn hàn gắn với chị S không nhất trí ly hôn.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có 02 con chung đúng như chị S khai. Anh không nhất trí để chị S nuôi hai cháu. Anh đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lò Thị Ngọc B. Giao cháu Lường Bảo T cho chị S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu . Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản riêng:* Không có.

- *Về nợ chung:* Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

*** Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Quàng Văn L trình bày:** Trong tháng 11 năm 2024 ông cho chị Lò Thị S và anh Lường Văn V

vay số tiền 30.000.000 đồng. Nay ông L đề nghị chị S, anh V trả số tiền này. Số tiền ông giao cho chị S, anh V chỉ trao đổi điện thoại để xin tiền nợ đi sơn nhà.

*** Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lường Thị T trình bày:** Năm 2020 chị cho chị Lò Thị S và anh Lường Văn V vay số tiền 25.000.000 đồng. Nay chị Tiếp đề nghị chị S, anh V trả số tiền này.

*** Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lường Thị V trình bày:** Năm 2020 chị cho chị Lò Thị S 7.000.000 đồng. Nay chị Vân đề nghị chị S, anh V trả số tiền này. Số tiền chị cho vay trong thời gian chị S, anh V vay để làm nhà.

Ngày 25/8/2025 ông Quàng Văn L, chị Lường Thị T, chị Lường Thị V làm đơn đề nghị rút yêu cầu chị S, anh V phải trả nợ. Sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng. Nguyên đơn chị S đề nghị không tiến hành hòa giải và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Sơn La) phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến trước khi ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Thụ lý đúng thẩm quyền tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ đúng quy định. Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi kịp thời các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 97, Điều 195, Điều 196, Điều 198, Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn anh Lường Văn V: Tòa án đã tiến hành tống đạt

các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị:

Về hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị S được ly hôn với anh Lường Văn V.

Về con chung: Xử giao cháu Lò Thị Ngọc B, sinh ngày 01/9/2015 và cháu Lường Bảo T, sinh ngày 03/01/2022 cho chị Lò Thị S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả lao động.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lường Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn cho chị Lò Thị S.

** Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu giải quyết việc ly hôn của nguyên đơn chị Lò Thị S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La), bị đơn có nơi cư trú tại huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (nay là xã C, tỉnh Sơn La) nên Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La) thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025;

- Về sự vắng mặt của bị đơn anh Lường Văn V: Anh Lường Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, bị đơn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b

khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Chị S và anh V kết hôn với nhau từ ngày 21/02/2018 tại UBND xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (nay là UBND xã C, tỉnh Sơn La) kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối. Sau khi kết hôn chị S và anh V chung sống hoà thuận hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn là do khác biệt quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, anh V đã bị Tòa án xét xử hai lần về tội ma túy, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không tìm được tiếng nói chung, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành, đã ly thân từ tháng 2 năm 2025 cho đến nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai.

Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị S có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh V, anh V không nhất trí ly hôn vì vẫn còn tình cảm với chị S là không có căn cứ chấp nhận, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị S được ly hôn với anh V.

[3]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có hai con chung: Cháu Lò Thị Ngọc B, sinh ngày 01/9/2015 và cháu Lường Bảo T, sinh ngày 03/01/2022. Chị S đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu. Không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh V đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lò Thị Ngọc B. Giao cháu Lường Bảo T cho chị S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con, đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, xem xét chị S có đủ khả năng và điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con hàng ngày. Tại biên bản ghi ý kiến cháu Lò Thị Ngọc B nguyện vọng của cháu muốn ở với mẹ vì điều kiện học tập, sinh sống của cháu được đảm bảo đầy đủ về mọi mặt. Cháu Lường Bảo T hiện còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu như ăn mặc, học hành, những điều kiện cho sự phát triển về thể chất và tinh thần, tâm sinh lý. Giao các cháu Lò Thị Ngọc B và cháu Lường Bảo T cho chị S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh V có đề nghị được nuôi cháu Lò Thị Ngọc B là không phù hợp với nguyện vọng của cháu do đó không được chấp nhận. Chị S đề nghị anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ cần được chấp nhận, hợp tình, hợp lý và đảm bảo quyền lợi cho các cháu về mọi mặt. Sau khi ly hôn anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó căn cứ Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4].Về tài sản chung: Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có yêu cầu về tài sản chung gồm có: Có 01 ngôi nhà xây hai tầng khoảng 60m^2 được dựng trên diện tích đất 100m^2 mượn của bố mẹ chị là ông Lường Văn H và bà Lường Thị N tại bản C, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La trị giá khoảng 400.000.000 đồng. Chị S đề nghị được sở hữu nhà để nuôi con và hoàn chênh lệch cho anh V 1/3 giá trị tài sản. Một mảnh nương khoảng 2.000m^2 trị giá 10.000.000 đồng, chị đề nghị để cho hai cháu.

Ngày 09/6/2025 chị Lò Thị S rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình giải quyết vụ án chị S thừa nhận vợ chồng nợ ông Quàng Văn L số tiền 30.000.000 đồng; nợ chị Lường Thị T số tiền là 25.000.000 đồng; Nợ chị Lường Thị V số tiền là 7.000.000 đồng. Chị đề nghị mỗi người trả ½ khoản nợ. Anh V khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ngày 25/8/2025 ông Quàng Văn L, chị Lường Thị T, chị Lường Thị V làm đơn đề nghị rút yêu cầu chị S, anh V trả nợ. Sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Tuy nhiên chị S là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn cho chị Lò Thị S.

[7]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị S được ly hôn với anh Lường Văn V.

2. Về con chung: Xử giao cháu Lò Thị Ngọc B, sinh ngày 01/9/2015 và cháu Lường Bảo T, sinh ngày 03/01/2022 cho chị Lò Thị S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả lao động.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom

để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lường Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn cho chị Lò Thị S.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị S, ông Quàng Văn L, chị Lường Thị Tiệp, chị Lường Thị V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lường Văn V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2-Sơn La (02 bản);
- Thi hành án tỉnh Sơn La;
- UBND xã C, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự.
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Tiến Hải